

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HSPT
Ngày: 07/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Ly và bà Vũ Ngọc Hà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Tám - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn H:, sinh năm 1978 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn Tân An, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn H. sinh năm 1950 và bà Diệp Thị P, sinh năm 1948 (chết năm 2008); vợ: Đường Thị N sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh M (Tên gọi khác: Lợm), sinh năm 1991 tại Phú Yên; nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1967; vợ: Trần Thị H sinh năm 1996; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 17/3/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đình H (Tên khác: Hồ dói), sinh năm 1984 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn Phú Sen Tây, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm sắt, nhôm; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1957; vợ:

Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1992; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017 (tại phiên tòa, bị cáo khai mới sinh thêm 01 con vào năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/3/2018 bị Công an xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần C1, sinh năm 1989 tại Phú Yên; nơi cư trú: Khu phố Phú Thọ 1, thị trấn Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1955; vợ: Trần Thị Thương N sinh năm 1996; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

5. Đường Thị N, sinh năm 1984 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Tân An, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Vinh X sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1962; Chồng: Lê Văn H sinh năm 1978; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt đi thi hành án từ ngày 22/8/2017 đến 22/01/2018; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

6. Công Văn H (Tên khác: Vỹ), sinh năm 1983 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn Thạch Hội, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Công X (chết) và bà Lương Thị C (chết); tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt đi thi hành án từ ngày 22/8/2017 đến 22/01/2018; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H, Đường Thị N: Luật sư Lưu Ngọc C – Văn phòng Luật sư Ngọc Cư; thuộc Đoàn luật sư Phú Yên.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình H: Luật sư Trần Văn Xít – Văn phòng Luật sư số 06; thuộc Đoàn luật sư Phú Yên.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Minh C, Lê Trọng T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H cùng vợ là Đường Thị N hành nghề mua bán thịt chó và mua xe ô tô 7 chỗ hiệu MeKong, biển số 78k-6850 để phục vụ việc vận chuyển chó khi mua bán. Trần Minh C giới thiệu Công Văn H đến lái xe ô tô thuê cho vợ chồng H và rủ rê, móc nối các đối tượng Nguyễn Thanh M, Lê Đình H, Trần C trộm cắp chó bán cho H, N. C, M, H, C, H bàn bạc thống nhất với H, N sử dụng xe ô tô 78k-6850 do H điều khiển vận chuyển chó do C, M, C, H trộm cắp đem về bán cho H và N với giá 30.000đồng/kg (thịt hơi), H và N trả công cho H mỗi chuyến 500.000 đồng. H và N cung cấp ô tô, rọ sắt, bao tải, băng keo quấn miệng chó, can nhựa đựng xăng. H chuẩn bị xe mô tô, C chuẩn bị xe mô tô, ớt bột, ná cao su và các viên đá nhỏ (làm đạn cho ná cao su) để chống trả khi bị phát hiện truy đuổi. M và C chuẩn bị thông lọng để bắt chó.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/10/2016, C rủ Lê Trọng T cùng với C, H đến nhà H, N ăn cơm, uống cà phê, sau đó về nhà H và N chơi, 23 giờ cùng ngày, M và H đến. T biết C cùng đồng phạm đi bắt trộm chó nhưng xin đi theo chơi và làm nhiệm vụ giúp sức cùng H khiêng rọ sắt đưa lên xe và cảnh giới. H điều khiển xe mô tô chở T, rọ sắt, can nhựa đựng xăng, C điều khiển xe mô tô chở C, H điều khiển xe mô tô chở M mang theo thông lọng, ớt bột, ná cao su, đá, bao tải, băng keo đến xã Ea Trol và thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh bắt trộm được 27 con chó bỏ vào rọ sắt, sau đó điện thoại cho H và T chạy xe ô tô đến, T cảnh giới, H cùng với C, M, H, C khiêng 04 rọ sắt đựng chó lên xe ô tô H điều khiển đem về bán cho H và N. Khi đi đến bờ đập thủy điện Sông Ba Hạ thì bị Cảnh sát giao thông Công an huyện Sơn Hòa bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 72/KL-ĐGTS ngày 18/10/2016 và số 19 ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hinh kết luận: 27 con chó, trọng lượng 358 kg x 50.000đồng/kg = 17.900.000 đồng; xe ô tô hiệu MeKong sản xuất năm 1993, biển số 78K-6850 qua thời gian sử dụng giá trị còn lại 80% trị giá 40.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã tuyên các bị cáo Trần Minh C, Công Văn H, Đường Thị N, Lê Văn H, Trần C, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Lê Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Minh C, Đường Thị N, Trần C, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H; riêng Trần Minh C, Đường Thị N, Công Văn H được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Minh C 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Xử phạt Đường Thị N, Trần C, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H, mỗi bị cáo 02 (Hai) năm tù;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Lê Văn H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Trọng T 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của tất cả các bị cáo tính từ ngày bắt đi thi hành án. Riêng bị cáo Trần Minh C được trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 22/5/2017 đến ngày 22/5/2018 và tạm giam từ ngày 24/11/2018 đến ngày 22/4/2019; các bị cáo Đường Thị N, Công Văn H được trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 22/8/2017 đến 22/01/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo quy định pháp luật.

Ngày 21/10/2019, bị cáo Công Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt (BL 879, 892 - 893);

Ngày 21/10/2019, bị cáo Nguyễn Thanh M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

(BL 894 – 895);

Ngày 21/10/2019, bị cáo Trần C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (BL 896);

Ngày 21/10/2019, bị cáo Lê Đình H kháng cáo đề nghị xem xét lại vụ án và cho rằng bị cáo tuy có tham gia trộm cắp tài sản nhưng không phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 mà bản án sơ thẩm quy kết (BL 897);

Ngày 21/10/2019, bị cáo Đường Thị N kháng cáo đề nghị xem xét lại vụ án, xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo (BL 898);

Ngày 21/10/2019, bị cáo Lê Văn H kháng cáo kêu oan (BL 899);

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trần C, Nguyễn Thanh M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo Công Văn H, Lê Đình H, Đường Thị N, Lê Văn H thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản nhưng cho rằng các bị cáo phạm tội có tính chất đơn lẻ nên các bị cáo không phạm tội “Có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đều xin được giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo N, H xin được hưởng án treo;

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H, Đường Thị N- Luật sư Lưu Ngọc Cư trình bày: Trong vụ án, các bị cáo vì cần tiền tiêu xài nên rủ rê nhau trộm cắp lấy tiền, các bị cáo thực hiện hành vi đơn lẻ không có người cầm đầu, không phân công tổ chức, không ai vạch kế hoạch, việc chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội không ai phân công ai mà ai làm được cái gì thì làm cái đó, không có người chỉ huy cầm đầu, không có người ra mệnh lệnh và người phục tùng, không có sự cấu kết bàn bạc từ trước. Căn cứ quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự thì đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Bản án số 32 ngày 07/8/2018 của Tòa án cấp cao Đà Nẵng ghi nhận rằng ở đây các bị cáo cấu kết chặt chẽ, hỗ trợ không tách rời nhau là không có cơ sở, do vậy bản án sơ thẩm cho rằng các bị cáo phạm tội “Có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử tất cả các bị cáo, kể cả bị cáo Lê Văn H, Đường Thị N theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; cha bị cáo là người có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Huy chương kháng chiến hạng nhất; bản thân bị cáo bị bệnh nặng nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình H - Luật sư Trần Văn Xít trình bày: Thống nhất với quan điểm của Luật sư Cư về việc bản án sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là chưa thỏa đáng; sắp xếp thứ tự các bị cáo trong Cáo trạng và Kết luận điều tra tại cấp sơ thẩm không giống nhau là không đúng quy định; việc điều tra còn nhiều sơ hở; Bị cáo H bị rủ rê, không ai phân công, bị cáo thực hiện hoàn toàn độc lập nên việc truy tố bị cáo H là đồng phạm theo điểm a khoản 2 Điều 138 năm 1999 với các bị cáo khác là chưa có cơ sở vững chắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử tất cả các bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, gia đình bị cáo có 03 con nhỏ (trong đó có 01

cháu mới sinh năm 2020) để xem xét cho bị cáo Lê Đình H được giảm nhẹ một phần hình phạt, nếu không được thì đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356; Điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đình H, Đường Thị N, Công Văn H, Nguyễn Thanh M, Trần C; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn H – Sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm hình phạt đối với bị cáo Lê Văn H, áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, những người bào chữa, các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn H tại phiên tòa thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và các tình tiết diễn biến vụ án như nội dung bản án sơ thẩm quy kết là đúng. Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Bị cáo Công Văn H khai: *“Khi ông H thuê tôi đi lái xe chở chó bên huyện Sông Hình, thì tôi biết đó là chó trộm cắp, ông H cũng biết là chó trộm cắp”; “Địa điểm đi lấy chó trộm cắp là do vợ chồng ông H chỉ đạo”, “Mỗi chuyến chở chó trộm cắp về cho ông H, tôi được 500.000đồng”, “Từ trước tới nay tôi được ông H thuê đi chở chó trộm cắp được 03 (ba) lần”; (bút lục số 54); “Thông qua C giới thiệu tôi biết anh H. Anh H thuê tôi chạy xe ô tô con để chở chó trộm cắp”, “Trước khi tôi nhận lái xe cho anh H tôi biết là đi chở chó trộm cắp mà có. Tôi có hỏi anh H, chắc em không dám chạy xe quá anh H, anh H trả lời mà cứ chạy (xe) đi tao đã lo hết rồi. Lúc đó, tôi quá túng thiếu (kết tiền) nên tôi làm liều, chứ tôi vẫn biết trước là chó trộm cắp” (bút lục 56) “Lúc tôi và anh H thỏa thuận việc thuê mướn như trên thì có mặt chị N tại đó. Chị N có nghe, biết nhưng không có ý kiến gì” (bút lục 39).*

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xét xử ngày 06/9/2017 (bút lục 285 – 287), các bị cáo Đường Thị N và Công Văn H đều thừa nhận Lê Văn H biết việc sử dụng xe ô tô, biển kiểm soát 78K-6850 vào mục đích chở chó trộm cắp được. Tại phiên tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử ngày 08/12/2017, Công Văn H vẫn khai như trên, đồng thời, H còn khẳng định Lê Văn H là người đã giao xe ô tô cho H và sau mỗi lần chở chó về địa điểm tập kết, Lê Văn H là người đếm số chó trộm cắp được (bút lục 332 – 334).

[1.3] Bị cáo Lê Đình H khai *“...Khoảng 23 giờ 00 ngày 17/10/2016, tôi (H) lái xe Sirius của mình chạy đến huyện Sơn Hòa chở thêm M để đến nhà H. Khi tới nhà ông H thì tôi và M vào chuẩn bị đồ đặc là mặt áo khoác, lấy dây thòng lọng với C và C1. Chuẩn bị đồ xong, tôi chở M, C chở C1 chạy qua huyện Sông Hình, ông H thì dùng xe ô tô của ông H chở theo 04 cái rọ sắt và có thêm C (Thiện) ngồi trên xe chạy sau. Qua Sông Hình bắt được tổng cộng 27 con chó, sau đó hẹn với H lại gần bãi đá Hoàng Anh và cầu Đắc Phú*

bỏ chố vào 04 rọ sắt... Vai trò của từng người như sau: Tôi và C chuẩn bị xe máy loại xe Yamaha Sirius của mình để đi bắt chó; M và C1 thì lo làm dây thông lọng để bắt chó; ông H và bà N thì lo chuẩn bị bao đựng chó, băng keo để quấn miệng chó, 04 cái rọ sắt để đựng chó và chuẩn bị 01 xe ô tô tháo ghế sau ra và thuê H làm tài xế lái xe, ông H, bà N thu mua chó mà chúng tôi bắt trộm được...” (Bút lục 499 – 508).

[1.4] Bị cáo Trần Minh C khai “...một lúc sau thì chúng tôi đi về nhà ông H để thay đồ và lấy thông lọng... Sau đó, 04 người chúng tôi đi bắt trộm chó rồi chở chó trộm cắp được đến bãi đá Tân Lập, huyện Sông Hình thì đã thấy có 02 (hai) rọ sắt dùng đựng chó ở đó, chúng tôi biết là ông H sắp xếp người để rọ ở đó...” (bút lục 34); “...Ông H hoàn toàn biết chó là do chúng tôi trộm cắp được và trao đổi việc vận chuyển mua bán cho mà chúng tôi trộm cắp” (bút lục 35); “...Tôi được biết việc giao xe ô tô cho anh H lái chở chó trộm cắp, vợ chồng anh H và chị N đều biết...” (bút lục 39).

[1.5] Do đó, lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được phân tích, đánh giá nêu trên.

[1.6] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/10/2016, sau khi bàn bạc thống nhất với Lê Văn H, Đường Thị N, các bị cáo Trần Minh C, Công Văn H, Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Lê Trọng T đã lên lút chiếm đoạt 27 con chó có trọng lượng 358 Kg, trị giá 17.900.000đồng nên cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Về ý kiến của các luật sư và các bị cáo Lê Văn H, Lê Đình H, Đường Thị N, Công Văn H cho rằng các bị cáo không phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 mà chỉ phạm tội ở khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ lời khai của các bị cáo Lê Văn H, Lê Đình H, Đường Thị N, Công Văn H tại cơ quan điều tra, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thanh M, Trần C1 được Hội đồng xét xử thẩm tra và công bố tại phiên tòa được các bị cáo thừa nhận là do các bị cáo tự nguyện khai báo, không bị bức cung, dụ cung, nhục hình... Thấy rằng, lời khai của các bị cáo Lê Văn H, Lê Đình H, Đường Thị N, Công Văn H, Nguyễn Thanh M, Trần C1 thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là phù hợp với nhau và phù hợp lời khai của các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị Trần Minh C, Lê Trọng T tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, lời khai những người bị hại, các Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bị cáo Trần Minh C là người gợi ý, khởi xướng và rủ rê việc trộm cắp chó, là người chuẩn bị xe mô tô, dao rựa, áo khoác để thực hiện việc trộm chó và ốt bột, nà cao su, đá nhỏ làm đạn cho nà cao su để chống trả khi bị phát hiện truy đuổi. Sau khi khởi xướng được vợ chồng H, N đồng ý sẽ thu mua chó, giá cả và cung cấp phương tiện để chở chó trộm cắp được nên C rủ Trần C1, Nguyễn Thanh M, M rủ H và cùng nhau bàn bạc, thống nhất việc đi bắt trộm chó. Các bị cáo C1, M, H thực hiện theo sự phân công, chỉ dẫn của C về thời gian đi bắt trộm chó, địa điểm bắt trộm chó, sau khi bắt trộm chó được sẽ bán cho ai và giá cả bán như thế nào, cách thức ăn chia và việc chuẩn bị phương tiện, công cụ bắt trộm chó. H chuẩn bị xe mô tô, M và C1 chuẩn bị thông lọng để bắt chó (Bút lục 500, 504, 560, 562, 563, 564, 667, 668, 669). H và N cung cấp ô tô, rọ sắt, bao tải, băng

keo quần miệng chó, can nhựa đựng xăng. Như vậy, để thực hiện việc trộm cắp, các bị cáo đã bàn bạc với nhau từ trước, lên kế hoạch, thời gian, địa điểm, chuẩn bị công cụ phạm tội và đã thực hiện theo đúng kế hoạch đã đặt ra. Hành vi của các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ, không tách rời nhau, có sự giúp sức, hỗ trợ, phối hợp cho nhau và mỗi bị cáo đều có một nhiệm vụ cụ thể, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc tình tiết định khung “Có tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo đã thực hiện cùng một cách thức qua hai đêm 15/10/2016 và 16/10/2016, nên đêm 17/10/2016 không cần bàn bạc lại mà cứ thế thực hiện, việc ai người ấy làm, vì vậy ý kiến trình bày của những người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H, Đường Thị N và Lê Đình H cho rằng hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là không có sự bàn bạc, không ai phân công, không người chỉ huy, cầm đầu, các bị cáo chỉ thực hiện hành vi đơn lẻ, ai biết gì làm lấy nên các bị cáo không phạm tội “Có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 mà chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm đề điều tra lại là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Văn H, Công Văn H, Đường Thị N, Trần C, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[3] Quá trình điều tra C, H, M, C, N, Hũ còn khai nhận: Ngày 15/10/2016, C cùng với C1, M, H đến xã Ea Cha Rang, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên và huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai bắt trộm 13 con chó, H điều khiển xe ô tô chở về bán cho vợ chồng H, N được 4.600.000 đồng. Ngày 16/10/2016, C, C1, M, H đến huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hinh bắt trộm 06 con chó. H điều khiển xe ô tô đến chở chó, trên đường đi phát hiện Cảnh sát giao thông tuần tra nên lái xe quay về. C và C1 điều khiển xe mô tô chở 06 con chó đem về bán cho H, N được 2.200.000 đồng, C, C1, M, H chia nhau tiêu xài. Tuy nhiên, do không xác định được người bị hại và không thu hồi được tang vật, không đủ căn cứ để định giá tài sản bị thiệt hại, do đó cấp sơ thẩm không đủ cơ sở xử lý hình sự hành vi này của các bị cáo nhưng vẫn xem xét đánh giá khi lượng hình đối với các bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của nhiều người, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội tại địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc. Xét kháng cáo của các bị cáo nhận thấy:

[4.1] Đối với kháng cáo của các bị cáo Đường Thị N, Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H: Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội, xem xét nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để xử phạt các bị cáo Đường Thị N, Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H, mỗi bị cáo 02 (Hai) năm tù và không cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương; các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn H: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh ông Lê Tấn H – cha ruột bị cáo - là người có công cách mạng, đã được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang Hạng 3 và Huân chương Kháng chiến Hạng 1. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời bị cáo H hiện đang bị bệnh yếu tứ chi cơ năng không thể đi lại sinh hoạt như người bình thường và bị bệnh tăng huyết áp vô căn, viêm thanh quản mạn tính theo Bệnh án điều trị của Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định nhưng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo Đường Thị N, Công Văn H, Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356; Điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đường Thị N Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H - Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố các bị cáo Đường Thị N, Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo N, C, H, M, H; thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo N, H;

Phạt các bị cáo Đường Thị N, Trần C1, Lê Đình H, Nguyễn Thanh M, Công Văn H, mỗi bị cáo 02 (Hai) năm tù;

Thời hạn tù của tất cả các bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án. Riêng các bị cáo Đường Thị N, Công Văn H, mỗi bị cáo được trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 22/8/2017 đến 22/01/2018.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn H;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thanh M, Lê Đình H, Trần C1, Đường Thị N, Công Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện Sông Hình(2);
- VKSND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Công an huyện Sông Hình(2)
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hùng

